

UBMTTQ VIỆT NAM
XÃ SON MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 113/BTT-UBMT

Son Mai, ngày 11 tháng 8 năm 2026

*V/v đề nghị bổ sung dự toán kinh
phí phụ cấp người hoạt động không
chuyên trách ở thôn năm 2026*

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân xã Sơn Mai,
- Phòng Kinh tế xã Sơn Mai,

Căn cứ Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND ngày 30/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định chức danh, mức phụ cấp, mức hỗ trợ, việc kiêm nhiệm chức danh, phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND xã Sơn Mai về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước và chi ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn xã Sơn Mai;

Qua rà soát nhu cầu chi trả phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn theo quy định hiện hành, kinh phí được giao đầu năm 2026 chưa bảo đảm đáp ứng đủ nhu cầu thực tế của đơn vị. Do đó, UBMTTQVN xã Sơn Mai đề nghị bổ sung dự toán kinh phí để thực hiện chi trả đầy đủ, kịp thời theo chế độ, cụ thể:

- Trưởng BCTMT (từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2026 - - MLCS 2,34trđ)::
470.000 đồng.

- Chi hội trưởng (từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2026 là: 12.00.000 đồng.

- Chi hội trưởng (từ tháng 06 đến tháng 12 năm 2026 là: 148.800.000 đồng.

- Trưởng BCTMT (từ tháng 07 đến tháng 12 năm 2026 - MLCS 2,53trđ):
323.030.000đồng.

- Kinh phí đóng BHXH cho Trưởng BCTMT từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2025 là 40.340.000 đồng

(Có phụ lục dự toán đính kèm)

UBMTTQVN xã kính đề nghị Ủy ban nhân dân xã Sơn Mai; Phòng Kinh tế xã xem xét, quyết định bổ sung dự toán kinh phí nêu trên để đơn vị thực hiện chi trả đúng chế độ theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu Văn phòng MT.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH



Đinh Văn Lâm



PHỤ LỤC TỔNG HỢP

Kèm theo Công văn số 113/BTT-UBMTTQVN ngày 11/8/2026 của UBMTTQVN xã Sơn Mai

DVT: triệu đồng

STT	Chính sách	Tổng kinh phí thực hiện năm 2026	Đã được bố trí	Kinh phí còn thừa (+)/thiếu(-)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
	Tổng cộng:	1.246,93	722,30	524,6349	
1	Bán chuyên trách xã	82,134	82,134		Phụ lục 01
2	Trưởng BCTMT (từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2026 - MLCS 2,34trđ)	387,13	386,662	0,47	Phụ lục 01
3	Chỉ hội trưởng (từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2026 - MLCS 2,34trđ)	228,00	216,00	12,00	Phụ lục 02
4	Chỉ hội trưởng (từ tháng 06 đến tháng 12 năm 2026 - MLCS 2,53trđ)	148,80		148,80	Phụ lục 03
5	Trưởng BCTMT (từ tháng 07 đến tháng 12 năm 2026 - MLCS 2,53trđ)	323,03		323,03	Phụ lục 03
6	Kinh phí đóng BHXH cho Trưởng BCTMT từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2025	40,34		40,34	Phụ lục 04
7	Mức khoán hoạt động đối với UBMTTQVN và các tổ chức chính trị-xã hội xã	37,50	37,50		

PHỤ LỤC 01

THUYẾT MINH DỰ TOÁN PHỤ CẤP
CHỖ NHÚNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN NĂM 2026 (TỪ THÁNG 01 ĐẾN THÁNG 06 NĂM 2026)
(Kèm theo Công văn số 113/ITT-UBMTTQ/VN ngày 11/8/2026 của UBMTTQ/VN xã Sơn Mai)



TT		Họ và Tên		Chức vụ		Theo Nghị quyết số 30/2023										Theo Nghị quyết số 45/2026										Số kinh phí đã cấp		Kinh phí để nghỉ bổ sung		Ghi chú						
						Từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2026 (MLCS: 2,34trđ)										Tháng 6 năm 2026																				
						Phụ cấp hàng tháng					BHXH phần nhà nước hỗ trợ					Tổng tiền phụ cấp, đóng góp					Số tháng											Tổng cộng				
						Thành tiền		Trong đó		Tỷ lệ	Trong đó		Số tháng hưởng	Tổng cộng		Hệ số	Thành tiền		Số tháng	Tổng cộng		NSTW	NST	Tổng cộng								NSTW	NST			
						NSTW	NST	NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST			NSTW	NST									NSTW	NST	NSTW
1	2	3	4	5	6=4* 2,34trđ	7=5* 2,34trđ	8	9=6*17%	10=7* 17%	11	12=6+9*11 11	13=7+10* 11	14=12+13	15	16 = 15*2,34trđ và 15*2,34trđ *50%	17	18=16*17	19	20=13+18	21=19+20	22	23=21-22	24													
I Ban chuyên trách xã					10.530.000	5.896.800		0	0	0	52.650.000	29.484.000	82.134.000	0	0	0	0	52.650.000	29.484.000	82.134.000	0	0	0													
1	Đình Thị Tú	CB không CT xã	1,5	0,84	3.510.000	1.965.600		0	0	5	17.550.000	9.828.000	27.378.000					17.550.000	9.828.000	27.378.000	27.378.000	0	0													
2	Đình Thị Liễu	CB không CT xã	1,5	0,84	3.510.000	1.965.600		0	0	5	17.550.000	9.828.000	27.378.000					17.550.000	9.828.000	27.378.000	27.378.000	0	0													
3	Đình Hy Hoa Mỹ	CB không CT xã	1,5	0,84	3.510.000	1.965.600		0	0	5	17.550.000	9.828.000	27.378.000					17.550.000	9.828.000	27.378.000	27.378.000	0	0													
II Trưởng BCTMT					52.650.000	2.808.000		6.563.700	119.340		296.068.500	14.636.700	310.705.200		76.424.400			296.068.500	91.061.100	387.129.600	386.662.000	467.600														
1	Nguyễn Thị Tuyền	Trưởng BCTMT thôn Minh Xuân	1,5	0,3	3.510.000	702.000		0	0	5	17.550.000	3.510.000	21.060.000	2,16	5.054.400	1	5.054.400	17.550.000	8.564.400	26.114.400	25.657.000	457.400														
2	Đình Thị Đăng	Bí thư CB kiêm trưởng BCTMT thôn Mai Lĩnh Hạ	1,5	0,0	3.510.000	0		0	0	5	17.550.000	0	17.550.000	2,66	3.112.200	1	3.112.200	17.550.000	3.112.200	20.662.200	20.662.000	200	KN 50% theo NQ 45													
3	Đình Thị Thái	Bí thư Chi bộ kiêm trưởng BCTMT thôn Trung Thượng	1,5	0,3	3.510.000	702.000		0	0	5	17.550.000	3.510.000	21.060.000	2,66	3.112.200	1	3.112.200	17.550.000	6.622.200	24.172.200	24.172.000	200	KN 50% theo NQ 45													
4	Đình Văn Nén	Trưởng BCTMT thôn Mai Lĩnh Hữu	1,5	0,0	3.510.000	0	17%	596.700	0	5	20.533.500	0	20.533.500	2,66	6.224.400	1	6.224.400	20.533.500	6.224.400	26.757.900	26.757.000	900														
5	Đình Hùng	Trưởng BCTMT thôn Long Thượng	1,5	0,0	3.510.000	0	17%	596.700	0	5	20.533.500	0	20.533.500	2,66	6.224.400	1	6.224.400	20.533.500	6.224.400	26.757.900	26.757.000	900														
6	Đình Thị Nguyệt	Trưởng BCTMT thôn Du Hữu	1,5	0,0	3.510.000	0	17%	596.700	0	5	20.533.500	0	20.533.500	2,66	6.224.400	1	6.224.400	20.533.500	6.224.400	26.757.900	26.757.000	900														
7	Đình Văn Chương	Trưởng BCTMT Kỳ Hát	1,5	0,0	3.510.000	0	17%	596.700	0	5	20.533.500	0	20.533.500	2,66	6.224.400	1	6.224.400	20.533.500	6.224.400	26.757.900	26.757.000	900														
8	Đình Phước	Bí thư chi bộ kiêm trưởng BCTMT thôn Yên Ngựa	1,5	0,3	3.510.000	702.000		0	0	5	17.550.000	3.510.000	21.060.000	2,16	2.527.200	1	2.527.200	17.550.000	6.037.200	23.587.200	23.587.000	200	KN 50% theo NQ 45													
9	Đình Thị Hạnh	Trưởng BCTMT thôn Yên Ngựa	1,5	0,0	3.510.000	0	17%	596.700	0	5	20.533.500	0	20.533.500	2,66	6.224.400	1	6.224.400	20.533.500	6.224.400	26.757.900	26.757.000	900														
10	Phạm Văn Dũng	Trưởng BCTMT thôn Biều Qua	1,5	0,1	3.510.000	234.000	17%	596.700	39.780	5	20.533.500	1.368.900	21.902.400	2,16	5.054.400	1	5.054.400	20.533.500	6.423.300	26.956.800	26.956.000	800														
11	Võ Văn Sửu	Trưởng BCTMT thôn Đồng Tròn	1,5	0,1	3.510.000	234.000	17%	596.700	39.780	5	20.533.500	1.368.900	21.902.400	2,16	5.054.400	1	5.054.400	20.533.500	6.423.300	26.956.800	26.956.000	800														
12	Đình Viết Lâm	Trưởng BCTMT thôn Sơn Châu	1,5	0,0	3.510.000	0	17%	596.700	0	5	20.533.500	0	20.533.500	2,66	6.224.400	1	6.224.400	20.533.500	6.224.400	26.757.900	26.757.000	900														
13	Lê Văn Chiêu	Trưởng BCTMT thôn Gò Tranh	1,5	0,0	3.510.000	0	17%	596.700	0	5	20.533.500	0	20.533.500	2,16	5.054.400	1	5.054.400	20.533.500	5.054.400	25.587.900	25.587.000	900														
14	Đình Thị Thọ	Trưởng BCTMT thôn Lạc Sơn	1,5	0,1	3.510.000	234.000	17%	596.700	39.780	5	20.533.500	1.368.900	21.902.400	2,16	5.054.400	1	5.054.400	20.533.500	6.423.300	26.956.800	26.956.000	800														
15	Phạm Văn Trình	Trưởng BCTMT thôn Diên Sơn	1,5	0,1	3.510.000	234.000	17%	596.700	39.780	5	20.533.500	1.368.900	21.902.400	2,16	5.054.400	1	5.054.400	20.533.500	6.423.300	26.956.800	26.956.000	800														
Tổng cộng (t+td):					63.180.000	8.704.800		6.563.700	119.340		348.718.500	44.128.700	392.839.200		76.424.400			348.718.500	120.545.100	469.263.600	468.796.000	467.600														

ĐVT: đồng



PHỤ LỤC 02

THUYẾT MINH DỰ TOÁN PHỤ CẤP

CHO NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYỂN TRÁCH Ở THÔN NĂM 2026 (TỪ THÁNG 01 ĐẾN THÁNG 06 NĂM 2026)

Kiểm theo Công văn số 113/BTT-UBMTTQVN ngày 11/8/2026 của UBMTTQVN xã Sơn Mai)

ĐVT: đồng

TT	Họ Và Tên	Chức vụ	Theo Nghị quyết số 30/2023 (Từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2026			Theo Nghị quyết số 45/2026 (tháng 6/2026)			Tổng dự toán năm 2026	Số kinh phí đã cấp	Kinh phí đề nghị bổ sung
			Số tiền hỗ trợ	Số tháng hưởng	Tổng cộng	Số tiền hỗ trợ	Số tháng hưởng	Tổng cộng			
1	2	3	4	5	6=4*5	7	8	9=7*8	10=6+9	11	12=10-11
I	Các chi hội										
*	Chi hội PN										
1	Đình Thị Thiểu	Chi hội PN thôn Diên Sơn	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
2	Phạm Thị Thanh Nga	Chi hội PN thôn Yên Ngựa	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
3	Đình Thị Mí	Chi hội PN thôn Gò Chè	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
4	Đình Thị Vinh	Chi hội PN thôn Gò Tranh	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
5	Lê Thị Tín	Chi hội PN thôn Lạc Sơn	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
6	Đình Thị Bé	Chi hội PN thôn Biều Qua	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
7	Phạm Thị Hương	Chi hội PN thôn Đồng Tròn	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
8	Lê Thị Lương	Chi hội PN thôn Sơn Châu	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
9	Đình Thị Cẩm Vân	Chi hội PN thôn Long Thượng	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
10	Đình Thị Sờ	Chi hội PN thôn Diên Sơn	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
11	Đình Thị Tới	Chi hội PN thôn Mai Lãnh Hạ	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
12	Đình Thị Xá	Chi hội PN thôn Mai Lãnh Hữu	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
13	Phạm Thị Hồng	Chi hội PN thôn Minh Xuân	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
14	Đình Thị Thứ	Chi hội PN thôn Dư Hữu	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
15	Đình Thị Hiền	Chi hội PN thôn Kỳ Hát	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
*	Chi hội ND										
1	Đình Thị Hiếu	Chi hội ND thôn	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
2	Đình Thị Mỹ Khanh	Chi hội ND thôn	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
3	Đình Văn Tèo	Chi hội ND thôn	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
4	Đình Việt	Chi hội ND thôn	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
5	Nguyễn Thị Phương	Chi hội ND thôn	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000



6	Đinh Oan	Chi hội ND thôn	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
7	Đinh Văn Thắng	Chi hội ND thôn	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
8	Đinh Văn Mông	Chi hội ND thôn	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
9	Đinh Văn Đạt	Chi hội ND thôn	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
10	Đinh Bé	Chi hội ND thôn	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
11	Đinh Thị Sanh	Chi hội ND thôn	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
12	Đinh Minh Cây	Chi hội ND thôn	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
13	Đinh Tấn Công	Chi hội ND thôn	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
14	Võ Thị Cơ	Chi hội ND thôn	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
15	Nguyễn Thiện	Chi hội ND thôn	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
*	Chi hội CCB										
1	Đinh Văn Hà	Chi hội CCB	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
2	Đinh Văn Xin	Chi hội CCB	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
3	Đinh Oanh	Chi hội CCB	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
4	Đinh Hoạch	Chi hội CCB	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
5	Ngô Thanh Hùng	Chi hội CCB	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
6	Đinh Phôn	Chi hội CCB	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
7	Đinh Phi	Chi hội CCB	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
8	Đinh Văn Duy	Chi hội CCB	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
9	Đinh Văn Thích	Chi hội CCB	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
10	Đinh Văn Đăng	Chi hội CCB	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
11	Đinh Tường	Chi hội CCB	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
12	Đinh Thông	Chi hội CCB	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
13	Đinh Luật	Chi hội CCB	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
14	Lê Huân	Chi hội CCB	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
15	Nguyễn Tấn Trọng	Chi hội CCB	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
*	Bí thư cho Đoàn										
1	Đinh Kim Cương	Chi Đoàn TN	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
2	Đinh Văn Roa	Chi Đoàn TN	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
3	Nguyễn Tấn Thanh	Chi Đoàn TN	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
4	Đinh Chép	Chi Đoàn TN	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
5	Đinh Văn Biêm	Chi Đoàn TN	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
6	Đinh Văn Ri	Chi Đoàn TN	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
7	Đinh Thị Sáu	Chi Đoàn TN	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
8	Đinh Văn Nga	Chi Đoàn TN	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
9	Đinh Văn Thông	Chi Đoàn TN	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000

10	Đinh Viết Lâm	Chi Đoàn TN	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
11	Đinh Đăng	Chi Đoàn TN	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
12	Đinh Văn Hào	Chi Đoàn TN	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
13	Lê Văn Chiếu	Chi Đoàn TN	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
14	Lương Thị Gia Linh	Chi Đoàn TN	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
15	Đinh Văn Vía	Chi Đoàn TN	600.000	5	3.000.000	800.000	1	800.000	3.800.000	3.600.000	200.000
Tổng cộng:			36.000.000		180.000.000	48.000.000		48.000.000	228.000.000	216.000.000	12.000.000



PHỤ LỤC 03

THUYẾT MINH DỰ TOÁN PHỤ CẤP
CHO NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN NĂM 2026
(Từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2026)

(Kèm theo Công văn số 113/BTT-UBMTTQVN ngày 11/8/2026 của UBMTTQVN xã Sơn Mai)

ĐVT: đồng

Theo Nghị quyết số 45/2026										
TT	Họ và tên	Chức danh	Trong đó		Kinh phí hỗ trợ hàng tháng	Tổng cộng	Số tháng	Tổng cộng	Số kinh phí đã cấp	Kinh phí đề nghị bổ sung năm 2026
			Phụ cấp hàng tháng (MLCS: 2,53trđ)	Thành tiền						
1	2	3	4	5=7*2,53trđ	6	7=5+6	8	9=7*8	10	11=9-10
I	Trưởng BCTMT			53.838.400	0	53.838.400		323.030.400	0	323.030.400
1	Phạm Văn Trình	Trưởng BCTMT thôn Long Sơn	2,66	6.729.800		6.729.800	6	40.378.800	0	40.378.800
2	Phạm Văn Dũng	Trưởng BCTMT thôn Đồng Tròn	2,66	6.729.800		6.729.800	6	40.378.800	0	40.378.800
3	Đình Phước	Trưởng BCTMTôn Gò Tranh	2,66	6.729.800		6.729.800	6	40.378.800	0	40.378.800
4	Lê Thanh Dũng	Trưởng BCTMTthôn Sơn Châu	2,66	6.729.800		6.729.800	6	40.378.800	0	40.378.800
5	Đình Thị Đăng	Trưởng BCTMT thôn Long Mai	2,66	6.729.800		6.729.800	6	40.378.800	0	40.378.800
6	Đình Bảy	Trưởng BCTMT thôn Trung Thượng	2,66	6.729.800		6.729.800	6	40.378.800	0	40.378.800

1536000000

7	Đinh Văn Hơ	Trưởng BCTMT thôn Long Xuân	2,66	6.729.800		6.729.800	6	40.378.800	0	40.378.800
8	Đinh Chương	Trưởng BCTMT bộ thôn Kỳ Hát	2,66	6.729.800		6.729.800	6	40.378.800	0	40.378.800
II	Chi hội CCB				6.400.000	6.400.000		38.400.000	0	38.400.000
1	Đinh Văn Thanh	Chi hội CCB thôn Sơn Châu			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
2	Nguyễn Tấn Trọng	Chi hội CCB thôn Long Sơn			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
3	Đinh Văn Thông	Chi hội CCB thôn Gò Tranh			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
4	Đinh Văn Hà	Chi hội CCB thôn Trung Thượng			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
5	Đinh Văn Hoạch	Chi hội CCB thôn Long Mai			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
6	Đinh Văn Tèo	Chi hội CCB thôn Long Xuân			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
7	Đinh Văn Hùng	Chi hội CCB thôn Kỳ Hát			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
8	Đinh Văn Đăng	Chi hội CCB thôn Đồng Tròn			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
III	Chi hội Phụ nữ			0	6.400.000	6.400.000		38.400.000	0	38.400.000
1	Đinh Thị Cẩm Vân	Chi hội PN thôn Long Mai			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
2	Đinh Thị Sở	Chi hội PN thôn Trung Thượng			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
3	Đinh Thị Thứ	PChi hội PN thôn Long Xuân			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000

4	Đinh Thị Hiền	Chi hội PN thôn Kỳ Hát			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
5	Đinh Thị Vinh	Chi hội PN thôn Gò Tranh			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
6	Đinh Thị Bé	Chi hội PN thôn Sơn Châu			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
7	Phạm Thị Hương	Chi hội PN thôn Đồng Tròn			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
8	Đinh Thị Mí	Chi hội PN thôn Long Sơn			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
IV	Cho Đoàn TN				6.400.000	5.600.000		33.600.000		33.600.000
1	Đinh Thị Hữu	Chi Đoàn TN thôn Đồng Tròn			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
2	Đinh Thị Tú	Chi Đoàn TN thôn Kỳ Hát			800.000	400.000	6	2.400.000	0	2.400.000
3	Đinh Văn Nga	Chi Đoàn TN thôn Long Sơn			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
4	Đinh Văn Thông	Chi Đoàn TN thôn Gò Tranh			800.000	400.000	6	2.400.000	0	2.400.000
5	Đinh Thị Ngọc Ánh	Chi Đoàn TN thôn Long Mai			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
6	Đinh Thị Sáu	Chi Đoàn TN thôn Long Xuân			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
7	Đinh Kim Cương	Chi Đoàn TN thôn Trung Thượng			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
8	Lương Thị Gia Linh	Chi Đoàn TN thôn Sơn Châu			800.000	800.000	6	4.800.000		4.800.000
V	Chi hội Nông dân			0	6.400.000	6.400.000		38.400.000	0	38.400.000

1	Đình Thị Mỹ Khanh	Chi hội ND thôn Long Mai			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
2	Đình Thị Hiếu	Chi hội ND thôn Trung Thượng			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
3	Đình Oan	PChi hội ND thôn Long Xuân			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
4	Đình Cà Ray	Chi hội ND thôn Kỳ Hát			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
5	Đình Tân Công	Chi hội ND thôn Gò Tranh			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
6	Võ Thị Cơ	Chi hội ND thôn Sơn Châu			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
7	Đình Văn Đạt	Chi hội ND thôn Đồng Tròn			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
8	Đình Thị Sanh	Chi hội ND thôn Long Sơn			800.000	800.000	6	4.800.000	0	4.800.000
Tổng cộng (I+II+III+IV+V):					53.838.400	25.600.000	0	471.830.400	0	471.830.400



PHỤ LỤC 04
THUYẾT MINH DỰ TOÁN TÍNH BHXH
CHO NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN NĂM 2025
(TỪ THÁNG 7 ĐẾN THÁNG 12 NĂM 2025)

(Kèm theo Công văn số 113/BTT-UBMTTQVN ngày 11/8/2026 của UBMTTQVN xã Sơn Mai)

ĐVT: đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Theo Nghị quyết số 30/2023						Kinh phí đề nghị bổ sung
			Từ tháng 7/2025 đến tháng 12/2025 (MLCS: 2,34trđ)						
			Hệ số phụ cấp	Mức lương cơ sở	Tỷ lệ đóng BHXH	Số tiền BHXH phải đóng 01 tháng	Số tháng	Tổng cộng	
1	2	3	4	5	6	7=4*5*6	8	9=7*8	10
1	Đinh Văn Nên	Trưởng BCTMT thôn Mai lãnh Hữu	1,5	2.340.000	17%	596.700	6	3.580.200	3.580.200
2	Đinh Hùng	Trưởng BCTMT thôn Long Thượng	1,5	2.340.000	17%	596.700	6	3.580.200	3.580.200
3	Đinh Thị Nguyệt	Trưởng BCTMT thôn Dư Hữu	1,5	2.340.000	17%	596.700	6	3.580.200	3.580.200
4	Đinh Văn Chương	Trưởng BCTMT Kỳ Hát	1,6	2.340.000	17%	636.480	6	3.818.880	3.818.880
5	Đinh Thị Hạnh	Trưởng BCTMT thôn Biều Qua	1,5	2.340.000	17%	596.700	6	3.580.200	3.580.200
6	Phạm Văn Dũng	Trưởng BCTMT thôn Đồng Tròn	1,6	2.340.000	17%	636.480	6	3.818.880	3.818.880
7	Võ Văn Sửu	Trưởng BCTMT thôn Sơn Châu	1,6	2.340.000	17%	636.480	6	3.818.880	3.818.880
8	Đinh Viết Lâm	Trưởng BCTMT thôn Gò Tranh	1,5	2.340.000	17%	596.700	6	3.580.200	3.580.200
9	Lê Văn Chiêu	Trưởng BCTMT thôn Lạc Sơn	1,5	2.340.000	17%	596.700	6	3.580.200	3.580.200
10	Đinh Thị Thọ	Trưởng BCTMT thôn Diên Sơn	1,6	2.340.000	17%	636.480	6	3.818.880	3.818.880
11	Phạm Văn Trình	Trưởng BCTMT thôn Gò Chè	1,5	2.340.000	17%	596.700	6	3.580.200	3.580.200
Tổng cộng:						6.722.820		40.336.920	40.336.920